

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Công;
2. Ông Nguyễn Tấn Rõn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Ông Nguyễn Hoàng A - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MB, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lưu Thị Cẩm N - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MB, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, N đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày và yêu cầu: Ông và bà Lưu Thị Cẩm N cưới nhau năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB ngày 29-3-2013; Chung sống đến tháng 12-2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà N còn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Ông thống nhất các mâu thuẫn mà bà N trình bày. Do mâu thuẫn với bà N nên ông có quen người người phụ nữ khác.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Lưu Thị Cẩm N;

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn An T, sinh ngày 13-11-2013 và Nguyễn Thị Cát T1, sinh ngày 12-8-2015, hiện 02 con chung sống chung với ông và bà N. Ông yêu cầu bà N trực tiếp nuôi 02 con chung, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 15-3-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Lưu Thị Cẩm N trình bày: Bà trình bày thống nhất trình bày của ông Nguyễn Hoàng A về ngày tháng điều kiện kết hôn, con chung và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Thời gian mâu thuẫn từ tháng 01-2020; N nhân mâu thuẫn do ông Hoàng A chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà và ông Hoàng A còn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau.

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Hoàng A, vì con chung còn quá nhỏ, bà yêu cầu đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho các con chung.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, bà thống nhất theo yêu cầu của ông Hoàng A.

Vụ án được hòa giải đoàn tụ ở Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hoàng A khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với bà Lưu Thị Cẩm N; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, N đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông Nguyễn Hoàng A và bà Lưu Thị Cẩm N chung sống có đăng ký kết hôn ngày 29-3-2013 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng A và bà N là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của ông Hoàng A và yêu cầu đoàn tụ của bà N:

Ông Hoàng A và bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Ông Hoàng A và bà N thống nhất xảy ra mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2020, do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, ông Hoàng A có chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; Ông Hoàng A và bà N còn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau.

Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, đến khi được Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành và đến nay, bà N không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, ông Hoàng A và bà N mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông Hoàng A và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Hoàng A yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Tại phiên tòa, ông Hoàng A và bà N thỏa thuận: Nếu ly hôn, bà N được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn An T, sinh ngày 13-11-2013 (theo nguyện vọng con chung) và Nguyễn Thị Cát T1, sinh ngày 12-8-2015, hiện 02 con chung sống chung với ông Hoàng A và bà N. Ông Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

Thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4.2] Hiện 02 con chung đang sống chung với ông Hoàng A và bà N, nên ông Hoàng A có nghĩa vụ giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4.3] Ông Hoàng A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, Ông Hoàng A và bà N được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Ông Hoàng A và bà N trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia nợ chung: Ông Hoàng A và bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông Hoàng A là N đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về ly hôn, ông Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên chịu 300.000

đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng ông Hoàng A phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông Hoàng A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A được ly hôn bà Lưu Thị Cẩm N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Lưu Thị Cẩm N được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn An T, sinh ngày 13-11-2013 (theo nguyện vọng con chung) và Nguyễn Thị Cát T1, sinh ngày 12-8-2015, hiện 02 con chung sống chung với ông Nguyễn Hoàng A và bà N. Ông Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi;

2.2. Ông Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ giao 02 con chung tên Nguyễn An T, và Nguyễn Thị Cát T1 cho bà Lưu Thị Cẩm N trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật

2.3. Ông Hoàng A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông Hoàng A và bà N được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A phải nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008974 ngày 19-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông Hoàng A còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25-3-2021);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MB (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương